

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2022/DSST
Ngày: 12-8-2022
*V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về góp hụi*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Ngoan**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung**

2. Bà **Trang Thị Cẩm Nhuận**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Sơn Thị Hoa Lan**-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 661/2022/TLST-DS, ngày 01 tháng 07 năm 2022; về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2022/QĐXXST-DS, ngày 27-7-2022; giữa:

Nguyên đơn: Chị Thạch Thị T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Chị Thạch Thị Kim M, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

Người phiên dịch: Ông Kim Trường Mu N - Công tác tại BND ấp Cây Hẹ (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các đơn khởi kiện ngày 21-10 -2020, đơn đề nghị xét xử vắng mặt và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Thạch Thị T trình bày:

Chị có tham gia góp hụi do chị Thạch Thị Kim M làm chủ hụi, cụ thể vào ngày 25/11/2019 DL dây số 09, loại hụi 3.000.000 đồng; ngày 25/11/2019 DL dây số 05, loại hụi 3.000.000 đồng; vào ngày 25/11/2019 DL dây số 08, loại hụi 3.000.000 đồng, hụi nửa tháng khui 01 lần. Sau khi úp hụi giữa chị và chị Kim M có đối chiếu các phần hụi sống mà chị đóng cho chị M tổng cộng ba dây hụi bằng 42.300.000 đồng, lãi hụi bằng 65.700.000 đồng nhưng chị Kim M không đồng ý trả cho chị số tiền hụi sống mà chị đã đóng.

Ba dây hụi trên chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết, cụ thể từng dây hụi được thỏa thuận như sau:

1. Ngày 25/11/2019 DL dây số 09, loại hụi 3.000.000 đồng; chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, chỉ M có giao danh sách hụi viên cho chỉ, có 15 phần, huê hồng đầu thảo hưởng 900.000 đồng/lần hốt, hụi nửa tháng khui 01 lần, chỉ tham gia 01 phần và đóng được 12 lần hụi sống bằng 14.200.000 đồng, đến lần khui thứ 13 chỉ M úp hụi. Ở dây hụi số 09 chỉ M nợ chỉ bằng 14.200.000 đồng.

2. Ngày 25/11/2019 DL dây số 05, loại hụi 3.000.000 đồng; chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, chỉ M có giao danh sách hụi viên cho chỉ, có 15 phần, huê hồng đầu thảo hưởng 900.000 đồng/lần hốt, hụi nửa tháng khui 01 lần, chỉ tham gia 01 phần và đóng được 12 lần hụi sống bằng 14.070.000 đồng, đến lần khui thứ 13 chỉ M úp hụi. Ở dây hụi số 05 chỉ M nợ chỉ bằng 14.070.000 đồng.

3. Ngày 25/11/2019 DL dây số 08, loại hụi 3.000.000 đồng; chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, chỉ M có giao danh sách hụi viên cho chỉ, có 15 phần, huê hồng đầu thảo hưởng 900.000 đồng/lần hốt, hụi nửa tháng khui 01 lần, chỉ tham gia 01 phần và đóng được 12 lần hụi sống bằng 14.030.000 đồng, đến lần khui thứ 13 chỉ M úp hụi. Ở dây hụi số 08 chỉ M nợ chỉ bằng 14.030.000 đồng.

Nay chỉ Thạch Thị T yêu cầu chỉ Thạch Thị Kim M trả tiền hụi sống mà chỉ T đã đóng tổng cộng bằng 42.300.000 đồng, (Loại hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 25/11/2019 DL, dây hụi số 09, dây số 05 và dây hụi số 08). Chỉ T không yêu cầu chỉ M trả lãi hụi bằng 65.700.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Tại các bản tự khai ngày 12-5-2021, bị đơn chỉ Thạch Thị Kim M trình bày:

Tôi có tổ chức khui các dây hụi mà chỉ Thạch Thị T tham gia cụ thể: 1. Ngày 25/11/2019 DL dây số 09, loại hụi 3.000.000 đồng; chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, tôi có giao danh sách hụi viên cho chỉ T, có 15 phần, huê hồng đầu thảo hưởng 900.000 đồng/lần hốt, hụi nửa tháng khui 01 lần, chỉ T tham gia 01 phần và đóng được 12 lần hụi sống bằng 14.200.000 đồng, đến lần khui thứ 13 tôi úp hụi. Ở dây hụi số 09 tôi còn nợ chỉ T hụi sống mà chỉ T đã đóng bằng 14.200.000 đồng.

2. Ngày 25/11/2019 DL dây số 05, loại hụi 3.000.000 đồng; chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, tôi có giao danh sách hụi viên cho chỉ T, có 15 phần, huê hồng đầu thảo hưởng 900.000 đồng/lần hốt, hụi nửa tháng khui 01 lần, chỉ T tham gia 01 phần và đóng được 12 lần hụi sống bằng 14.070.000 đồng, đến lần khui thứ 13 tôi úp hụi. Ở dây hụi số 05 tôi còn nợ chỉ T hụi sống mà chỉ T đã đóng bằng 14.070.000 đồng.

3. Ngày 25/11/2019 DL dây số 08, loại hụi 3.000.000 đồng; chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, tôi có giao danh sách hụi viên cho chỉ T, có 15 phần, huê hồng đầu thảo hưởng 900.000 đồng/lần hốt, hụi nửa tháng khui 01 lần, chỉ T tham gia 01 phần và đóng được 12 lần hụi sống bằng

14.030.000 đồng, đến lần khai thứ 13 tôi úp hụi. Ở đây hụi số 08 tôi còn nợ chị T hụi sống mà chị T đã đóng bằng 14.030.000 đồng.

Tổng cộng ba dây hụi trên tôi thừa nhận còn nợ chị T tiền hụi sống mà chị T đã đóng bằng 42.300.000 đồng nhưng tôi không đồng ý trả số tiền này cho chị T còn tiền lãi hụi bằng 65.700.000 đồng không yêu cầu trả và không yêu cầu tính lãi tôi thống nhất theo ý kiến của chị T.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu chứng có gồm: 03 danh sách hụi viên loại hụi 3.000.000 đồng, mở 25/11/2019 DL dây hụi số 09, số 05 và số 08; 01 chứng minh nhân dân tên Thạch Thị T và 01 Sổ hộ khẩu gia đình (photo).

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Chị Thạch Thị Kim M thừa nhận còn nợ tiền hụi sống của chị Thạch Thị T đã đóng tổng cộng bằng 42.300.000 đồng đồng (Loại hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 25/11/2019 DL, loại hụi nửa tháng khai 01 lần dây hụi số 09, dây hụi số 05 và dây số 08); Chị T không yêu cầu tính lãi hụi và tính lãi.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

Chị Kim M không đồng ý trả tiền hụi sống theo yêu cầu của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi”. Bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt chị T.

Bị đơn chị Thạch Thị Kim M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng chị M vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M theo qui định của pháp luật.

Ngày 28-9-2021 Tòa án ra quyết định nhập vụ án thụ lý số: 2490, 2491, 2492, 2493, 2494, 2495, 2496, 2497, 2498, 2499, /2021/TBTL-DS ngày 07-01-2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi” thành 01 vụ án thụ lý số: 2499/2021/TLST-DS, ngày 07-01-2021.

Ngày 01-7-2022 Tòa án ra quyết định tách vụ án thụ lý số: 2499 /2021/TBTL-DS ngày 07-01-2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi” thành 05 vụ án thụ lý số: 2499/2021/TLST-DS ngày 07-01-2021; số 658/2022/TLST-DS ngày 01-07-2022; số 659/2022/TLST-DS ngày 01-07-2022; số 660/2022/TLST-DS, ngày 01-07-2022; số 661/2022/TLST-DS ngày 01-07-2022;

[2] *Về nội dung:*

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Thạch Thị Kim M có lời khai thống nhất xác định chị T có tham gia góp hội do chị M làm chủ đầu thảo cụ thể, Loại hội 3.000.000 đồng, mở ngày 25/11/2019 DL, loại hội nửa tháng khai 01 lần dây hội số 09, dây số 05 và dây số 08; tổng cộng 03 phần hội chị T đã đóng bằng 42.300.000 đồng, đây là những tình tiết các đương sự không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị T yêu cầu chị M trả tiền hội mà chị T đã đóng ở ba dây hội trên tổng cộng bằng 42.300.000 đồng, không yêu cầu chị M trả lãi hội và không yêu cầu tính lãi. Chị Kim M không đồng ý trả tiền hội sống chị T đóng tổng cộng bằng 42.300.000 đồng, với lý do chị chưa có khả năng để trả.

[3] Hợp đồng góp hội giữa chị T với chị Kim M là có thật và sự việc được chứng minh qua lời khai thừa nhận của chị Kim M là chủ hội đối với chị T, tại hồ sơ vụ án chị Kim M cũng thống nhất số tiền hội mà chị T khởi kiện tổng cộng bằng 42.300.000 đồng chị M không đồng ý trả, chờ khi nào chị Kim M khởi kiện mấy hội viên khác còn nợ chị lấy được tiền hội, chị mới trả tiền nợ hội cho chị T, hiện nay chị không còn tài sản để trả. Xét thấy, trong thời gian trên chị Kim M làm chủ hội của rất nhiều dây hội, loại hội khác nhau, sau khi úp hội đáng lẽ chị Kim M phải có nghĩa vụ thanh toán tiền hội sống cho các hội viên đã tham gia góp hội, nhưng chị không thực hiện nghĩa vụ của chủ hội đối với hội viên khi có yêu cầu, mà cho rằng không có khả năng thanh toán lại cho chị T, nên chị Kim M đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hội đối với hội viên đang có phần hội sống. Việc vi phạm này ít nhiều vì cũng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của chị T, nên lời trình bày của chị Kim M về phương thức trả tiền hội sống cho chị T là không có căn cứ chấp nhận nên Hội đồng xét xử buộc chị Kim M có trách nhiệm trả tiền hội sống mà chị T đã đóng là có căn cứ; do chị T không yêu cầu trả lãi hội và tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc bị đơn chị Thạch Thị Kim M phải chịu theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 92, 147 và Điều 227, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội biểu phùng;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị T.
2. Buộc chị Thạch Thị Kim M trả tiền hội sống mà chị Thạch Thị T đã đóng tổng cộng bằng 42.300.000 (*Bốn mươi hai triệu ba trăm nghìn*) đồng (Loại

hội 3.000.000 đồng, mở ngày 25/11/2019 DL, nửa tháng khai 01 lần, đây hội số 09, đây hội số 05 và đây hội số 08). Chị Thạch Thị T không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Buộc bị đơn chị Thạch Thị Kim M phải chịu 2.115.000 đồng án phí dân sự.

Chị Thạch Thị T không phải chịu án phí. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã mà chị T đã nộp 75.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001547; Số tiền 75.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001548; Số tiền 75.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001549 cùng ngày 05-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh cho chị Thạch Thị T.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Ngoan